

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5-VĨNH LONG
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2026/DS-ST
Ngày: 30-01-2026
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng góp
hụi*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - VĨNH LONG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Trúc Giang

2. Bà Nguyễn Thị Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5-Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
Bà Võ Thị Huỳnh Nhung – Kiểm sát viên

Vào ngày 30 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Vĩnh Long, xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 243/2025/TLST- DS ngày 24 tháng 10 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 205/2025/QĐST-DS ngày 24 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2026/QĐST-DS ngày 13 tháng 01 năm 2026 giữa:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị R, sinh năm 1970; Số CCCD: 083170002775, cấp ngày 23/4/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Nơi cư trú: Số C, khu phố B, phường S, tỉnh Vĩnh Long (Có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

- Bị đơn:

1. Bà Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1973; (Vắng mặt)

2. Ông Đỗ Thanh G, sinh năm 1968; (Vắng mặt)

Cùng nơi cư trú: Số E, khu phố T, phường S, tỉnh Vĩnh Long

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Võ Thị Cẩm T, sinh năm 1994; Số CCCD: 083077008347, cấp ngày 11/08/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Nơi cư trú: Số C, khu phố B, phường S, tỉnh Vĩnh Long (Có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, nguyên đơn trình bày:

Do có quen biết và tin tưởng nên bà Nguyễn Thị R có tham gia chơi nhiều dây hụi do bà Nguyễn Thị Mỹ H làm chủ, cụ thể:

Dây thứ nhất: Hụi 20.000.000 đồng, khai ngày 05/3/2024, 20 phần, khai mỗi tháng 01 lần, tham gia 01 phần, đã đóng được 09 kỳ sống.

Dây thứ hai: Hụi 20.000.000 đồng, khai ngày 11/7/2024, 20 phần, khai mỗi tháng 01 lần, tham gia 01 phần, đã đóng được 04 kỳ sống.

Dây thứ ba: Hụi 10.000.000 đồng, khai ngày 20/7/2024, 20 phần, khai mỗi tháng 01 lần, tham gia 02 phần, đã đóng được 04 kỳ sống.

Dây thứ tư: Hụi 10.000.000 đồng, khai ngày 19/02/2024, 24 phần, khai mỗi tháng 02 lần, tham gia 01 phần, đã đóng được 18 kỳ sống.

Dây thứ năm: Hụi 10.000.000 đồng, khai ngày 23/4/2024, 20 phần, khai mỗi tháng 01 lần, tham gia 01 phần, đã đóng được 07 kỳ sống.

Tổng số tiền hụi sống đã góp cho bà H là 383.200.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng và bằng tiền mặt (có giấy nhận tiền hụi của bà H).

Bà Nguyễn Thị R khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Mỹ H và ông Đỗ Thanh G trả số tiền hụi còn nợ là 383.200.000 (Ba trăm tám mươi ba triệu hai trăm nghìn) đồng; không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H và ông Đỗ Thanh G vắng mặt, không có trình bày.

Theo bản tự khai, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Cẩm T trình bày:

Từ ngày 20/02/2024 đến ngày 17/10/2024, bà T có chuyển khoản thay cho bà Nguyễn Thị R để giao tiền hụi cho bà Nguyễn Thị Mỹ H với tổng số tiền chuyển khoản là 195.800.000 đồng, đây là tiền của bà Nguyễn Thị R đóng hụi cho bà H nên bà T không có ý kiến yêu cầu gì trong vụ án này.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng. Bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị R đối với bà Nguyễn Thị Mỹ H và ông Đỗ Thanh G về việc tranh chấp hợp đồng góp hụi. Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ H và ông Đỗ Thanh G liên đới trả số tiền hụi còn nợ là 383.200.000 (Ba trăm tám mươi ba triệu hai trăm nghìn) đồng. Ghi nhận bà Nguyễn Thị R tự nguyện không yêu cầu tính lãi.

- Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị R, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Võ Thị Cẩm T có yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H và ông Đỗ Thanh G vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai không có lý do chính đáng. Các giấy tờ liên quan đến việc tham gia chơi hụi và công văn trả lời xác minh của công an phường S, tỉnh Vĩnh Long đều thể hiện địa chỉ nơi cư trú của bà Nguyễn Thị Mỹ H, ông Đỗ Thanh G tại số E, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là khu phố T, phường S, tỉnh Vĩnh Long). Chồng bà H là ông Đỗ Thanh G hiện còn sinh sống tại địa chỉ nêu trên. Việc bà H cố tình bỏ đi khỏi địa phương, không thông báo địa chỉ nơi ở mới là cố tình che giấu địa chỉ. Tòa án tiếp tục xét xử theo thủ tục chung và xét xử vắng mặt đương sự là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án và Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng góp hụi nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H và ông Đỗ Thanh G có nơi cư trú tại số E, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là khu phố T, phường S, tỉnh Vĩnh Long) nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5-Vĩnh Long theo quy định tại Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Bà Nguyễn Thị R khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Mỹ H và ông Đỗ Thanh G trả số tiền hụi còn nợ là 383.200.000 (Ba trăm tám mươi ba triệu hai trăm nghìn) đồng; không yêu cầu tính lãi.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy: Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, bà Nguyễn Thị R cung cấp 01 sao kê tài khoản ngân hàng S từ ngày 01/02/2024 đến 31/10/2024; 20 chứng từ chơi hụi (bản chính). Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý cùng hồ sơ khởi kiện (photo) của nguyên đơn cho bị đơn. Bị đơn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến trình bày, phản hồi lại yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn trong suốt quá trình giải quyết vụ án mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần. Điều này cho thấy bị đơn mặc nhiên thừa nhận còn nợ số tiền hụi là 383.200.000 (Ba trăm tám mươi ba triệu hai trăm nghìn) đồng như nguyên đơn yêu cầu. Về trách nhiệm liên đới: căn cứ Trích lục kết hôn số 681/2025/TLKH-BS ngày 14/11/2025 của UBND phường S, tỉnh Vĩnh Long thể hiện bà H và ông G có đăng ký kết hôn, là vợ chồng hợp pháp và số tiền nợ hụi phát sinh trong thời kỳ hôn nhân. Do đó, bà Nguyễn Thị Mỹ H và ông Đỗ Thanh G phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho bà R là phù hợp quy định pháp luật. Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở xác định bà Nguyễn Thị R có chơi hụi do bà Nguyễn Thị Mỹ H làm chủ và hiện tại bà Nguyễn Thị Mỹ H và ông Đỗ Thanh G còn nợ số tiền hụi là 383.200.000 (Ba trăm tám mươi ba triệu hai trăm nghìn) đồng. Do đó, Hội đồng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị R, buộc bà Nguyễn Thị Mỹ H và ông Đỗ Thanh G liên đới trả số tiền hụi còn nợ là 383.200.000 (Ba trăm tám mươi ba triệu hai trăm nghìn) đồng. Bà Nguyễn Thị R tự nguyện không yêu cầu tính lãi nên ghi nhận.

[5] Quan điểm của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Nguyễn Thị Mỹ H và ông Đỗ Thanh G phải liên đới chịu án phí theo quy định.

Hoàn trả tạm ứng án phí cho bà Nguyễn Thị R.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 357; Điều 468; Điều 471 Bộ Luật dân sự 2015;
- Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 91; Điều 92; Điều 227, Điều 228, Điều 147; khoản 1 Điều 273; Điều 277 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án;

- Điều 18; Điều 22; Điều 25 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, họ, họ, họ, họ;

- Khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện;

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị R đối với bà Nguyễn Thị Mỹ H và ông Đỗ Thanh G về việc tranh chấp hợp đồng góp hội. Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ H và ông Đỗ Thanh G liên đới trả cho bà Nguyễn Thị R số tiền hội còn nợ là 383.200.000 (Ba trăm tám mươi ba triệu hai trăm nghìn) đồng. Ghi nhận bà Nguyễn Thị R tự nguyện không yêu cầu tính lãi.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, đồng thời có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành xong.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Bà Nguyễn Thị Mỹ H và ông Đỗ Thanh G phải liên đới chịu là 19.160.000 (Mười chín triệu một trăm sáu mươi nghìn) đồng.

- Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị R số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.580.000 (Chín triệu năm trăm tám mươi nghìn) đồng theo biên lai tạm ứng án phí số 0006662 ngày 21/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long
- VKSND Khu vực 5-Vĩnh Long;
- UBND phường Sơn Đông;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Huỳnh Minh Hiền